

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ Phí năm 2015;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 191/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Anh Mai Đại P, sinh năm: 1983; nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng và chị Lê Thị Kiều D, sinh năm: 1988; nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Mai Đại P và chị Lê Thị Kiều D kết hôn năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung, không hiểu nhau, có những bất đồng về quan điểm, lối sống nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2021. Nay anh P, chị D đều xác định vợ chồng không còn tình cảm, không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên điều yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh, chị. Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh P, chị D là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên công nhận.

[2] Về con chung: Hai bên xác định vợ chồng có ba con chung tên Mai Ngọc Phương T, sinh ngày 25/12/2007, Mai Ngọc Bảo A, sinh ngày 03/10/2012 và Mai Ngọc Quỳnh A2, sinh ngày 19/12/2005. Anh Mai Đại P và chị Lê Thị Kiều D thỏa thuận và yêu cầu Tòa án công nhận: Anh Mai Đại P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Mai Ngọc Phương T, sinh ngày 25/12/2007; Chị Lê Thị Kiều D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Mai Ngọc Bảo A, sinh ngày

03/10/2012 và cháu Mai Ngọc Quỳnh A2, sinh ngày 19/12/2005 cho đến khi các con đủ tuổi thành niên. Anh Mai Đại P cấp dưỡng nuôi hai con 2.000.000 đồng/tháng (1.000.000 đồng/tháng/con), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 11/2021 cho đến khi các con đủ tuổi thành niên. Xét yêu cầu công nhận thỏa thuận việc nuôi con chung giữa anh P và chị D là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, đảm bảo quyền và lợi ích của con nên công nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên xác định không có nên không đề cập.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Mai Đại P và chị Lê Thị Kiều D thỏa thuận chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình, thỏa thuận này của anh P, chị D là đảm bảo theo quy định của pháp luật nên công nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Mai Đại Phong và chị Lê Thị Kiều D thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Mai Đại P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Mai Ngọc Phương T, sinh ngày 25/12/2007 cho đến khi con đủ tuổi thành niên. Chị Lê Thị Kiều D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Mai Ngọc Bảo A, sinh ngày 03/10/2012 và Mai Ngọc Quỳnh A2, sinh ngày 19/12/2005 cho đến khi các con đủ tuổi thành niên. Anh Mai Đại P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con 2.000.000 đồng/tháng (1.000.000 đồng/tháng/01 con), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 11/2021 cho đến khi các con đủ tuổi thành niên.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp, không trực tiếp nuôi con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Mai Đại P và chị Lê Thị Kiều D thỏa thuận chịu 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình (được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí anh P, chị D đã nộp theo biên lai thu số 0006209 ngày 07 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Lâm Đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- UBND xã H, huyện D,
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã ký và đóng dấu

Đoàn Văn Chiến